

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên  
Bà Đỗ Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 654/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 605/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Q**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đinh Quang S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số B T, khu F, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Cộng hòa Liên Bang Đ.

Chị Q và anh S vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Phan Thị Q** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đinh Quang S** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/7/2020. Quá trình chung sống, vợ chồng thời gian đầu chung sống

mấy tháng với nhau bình thường, khi con của chị và anh S chưa được 3 tháng thì đến tháng 01/2021 anh S tự ý đi nước ngoài mà không hỏi ý kiến của chị. Từ lúc anh S đi nước ngoài thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không có trách nhiệm với con cái, chị và con nhỏ ở chung với gia đình nhà chồng nhưng con nhỏ hay ốm mình chị phải lo và tự mình chăm con trong bệnh viện, anh S thì đi nước ngoài cũng không gửi tiền về để chăm lo cho con cái, bên cạnh đó còn phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa những người trong gia đình nhà chồng. Do sức ép tâm lý và vật chất nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ để đảm bảo ổn định cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị và anh S đã thỏa thuận mỗi tháng anh S gửi 3 triệu để chăm sóc con cái nhưng anh S không thực hiện ngay mỗi tháng mà chị thường xuyên phải nhắc thì đến cuối năm anh S mới gửi cho chị. Việc ly hôn này anh S cũng đồng thuận. Nay chị xác định vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Đinh Quang P, sinh ngày 31/10/2020 hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị là người tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi do chị là người đã nuôi cháu từ nhỏ cho đến nay. Về cấp dưỡng, chị yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

#### **Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Do chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh S ở Đức nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh S. Ông Đinh Quang S1 và bà Bùi Thị T (là bố mẹ đẻ của anh S) trình bày: Anh S ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông bà qua điện thoại. Tuy nhiên, anh S không cho bà biết địa chỉ cụ thể nên ông bà không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Tòa án yêu cầu nhiều lần. Ông bà đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo đầy đủ nội dung các văn bản tố tụng cho anh S. Anh S biết việc chị Q yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng hiện nay anh S đang lao động tại Đức nên không thể về để trình bày ý kiến và cũng không có văn bản trình bày quan điểm gửi về cho Tòa án được. Anh S có nhờ ông bà trình bày lại quan điểm với Tòa án rằng anh S không muốn ly hôn với chị Q, tuy nhiên trong trường hợp chị Q cương quyết yêu cầu ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn thì anh S cũng đồng ý ly hôn với chị Q, không níu kéo nữa. Anh S và chị Q có 01 con chung là Đinh Quang P, sinh ngày 31/10/2020 hiện nay đang ở cùng với chị Q. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Q là 5.000.000 đồng/tháng thì anh S cũng đồng ý vì trên thực tế anh S vẫn cấp dưỡng đầy đủ hàng tháng với mức tiền đó cho cháu P. Về tài sản chung, nợ chung anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn chị Q vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

#### **Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phan Thị Q ly hôn anh Đinh Quang S; Giao cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đinh Quang P, sinh ngày 31/10/2020. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q 5.000.000 đồng/tháng. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1]. Về tố tụng:**

Chị Phan Thị Q khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Đinh Quang S. Anh S hiện nay đang sinh sống và lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh S tại Cộng hòa Liên bang Đ. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh S cung cấp địa chỉ của anh S. Gia đình anh S xác định anh S đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh S cho Tòa án. Tuy nhiên, gia đình anh S chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Tòa án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh S được biết. Anh S không có văn bản gửi về cho Tòa án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị Q vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xử vắng mặt; anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những lần vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q và anh S.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Q và anh Đinh Quang S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/7/2020 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thời gian đầu chung sống với nhau bình thường, khi con của chị Q và anh S chưa được 3 tháng, đến tháng 01/2021 anh S tự ý đi nước

ngoài mà không hỏi ý kiến của chị Q. Từ lúc anh S đi nước ngoài thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ bất đồng trong trách nhiệm chăm sóc con cái, bên cạnh đó còn phát sinh nhiều mâu thuẫn giữa chị Q và những người trong gia đình nhà chồng. Do mâu thuẫn, nên chị Q bỏ về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn thì anh S cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Q và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh S theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Q và anh S có 01 con chung là Đình Quang P, sinh ngày 31/10/2020 hiện nay đang ở cùng với chị Q. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Q là 5.000.000 đồng/tháng thì anh S cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu P đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị Q nên chấp nhận đề nghị về việc nuôi con chung này của chị Q là phù hợp theo nguyện vọng của các đương sự. Chấp nhận yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị Q, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q 5.000.000 đồng/tháng.

Anh Đình Quang S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định; anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Q được ly hôn anh Đình Quang S.

2. Về con chung: Giao cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Đình Quang P, sinh ngày 31/10/2020 từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng chị Q, mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng (năm

triệu đồng/một tháng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Đinh Quang S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000846 ngày 09/7/2024 (chị N đã nộp đủ án phí). Anh Đinh Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**

